

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất  
(bổ sung đợt 2) năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 25 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về Danh mục dự án thu hồi đất (bổ sung đợt 2) năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-KTNS ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận, kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất (bổ sung đợt 2) năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang, cụ thể như sau:

Tổng số 09 công trình, dự án thu hồi đất (bổ sung đợt 2) năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang, tổng diện tích thu hồi là 252.749 m<sup>2</sup>; (trong đó: đất trồng lúa: 4.180m<sup>2</sup>; đất rừng sản xuất 183.023m<sup>2</sup>; các loại đất khác còn lại 65.546m<sup>2</sup>)

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVIII, Kỳ họp thứ 25 (Chuyên đề) thông qua và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 5 năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng chính phủ;
- Ban công tác Đại biểu -UBTVQH;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh; Trung tâm Thông tin - công báo;
- Trang TTĐT Đại biểu dân cử tỉnh Hà Giang;
- Lưu VT.



**CHỦ TỊCH**

**Thào Hồng Sơn**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG ĐỢT 2) NĂM 2025**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: **165** /NQ-HĐND ngày **30** tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

| Số TT     | Tên dự án, công trình                                                                        | Địa điểm thu hồi đất | Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> ) | Chia ra các loại đất                      |                                               |                                         |                                               |                                      | Văn bản pháp lý có liên quan (số QĐ phê duyệt, giấy chứng nhận đầu tư...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ghi chú                                              |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
|           |                                                                                              |                      |                                          | Diện tích đất trồng lúa (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất rừng đặc dụng (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất rừng PH (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất rừng sản xuất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất khác (m <sup>2</sup> ) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                      |
|           | <b>Tổng toàn tỉnh</b>                                                                        | <b>9</b>             | <b>252.749</b>                           | <b>4.180</b>                              | <b>-</b>                                      | <b>-</b>                                | <b>183.023</b>                                | <b>65.546</b>                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                      |
| <b>I</b>  | <b>TP. HÀ GIANG</b>                                                                          | <b>1</b>             | <b>110</b>                               | <b>-</b>                                  | <b>-</b>                                      | <b>-</b>                                | <b>-</b>                                      | <b>110</b>                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                      |
| <b>1</b>  | Hạng mục Đường dây 35kV nhà máy thủy điện sông Miện 6 thuộc công ty CP thủy điện sông Miện 6 | Xã Ngọc Đường        | 70                                       |                                           |                                               |                                         |                                               | 70                                   | Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 19/4/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung dự án thủy điện sông Miện 6 phường Quang Trung thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang vào Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2 (2006-2010 có xét đến 2015); Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh về việc chấp thuận thực hiện dự án Nhà án Thủy điện sông Miện 6 tại phường Quang Trung, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Công ty cổ phần thủy điện sông Miện 6 làm chủ đầu tư |
|           |                                                                                              | P. Quang Trung       | 40                                       |                                           |                                               |                                         |                                               | 40                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                      |
| <b>II</b> | <b>H. XÍN MÀN</b>                                                                            | <b>8</b>             | <b>252.639</b>                           | <b>4.180</b>                              | <b>-</b>                                      | <b>-</b>                                | <b>183.023</b>                                | <b>65.436</b>                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                      |

| Số TT | Tên dự án, công trình                                                                         | Địa điểm thu hồi đất | Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> ) | Chia ra các loại đất                      |                                               |                                         |                                               |                                      | Văn bản pháp lý có liên quan (số QĐ phê duyệt, giấy chứng nhận đầu tư...)                                                                                                 | Ghi chú                                 |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
|       |                                                                                               |                      |                                          | Diện tích đất trồng lúa (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất rừng đặc dụng (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất rừng PH (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất rừng sản xuất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất khác (m <sup>2</sup> ) |                                                                                                                                                                           |                                         |
| 1     | Dự án ổn định dân cư khẩn cấp xã Bản Ngò, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang                        | Xã Bản Ngò           | 155.000                                  |                                           |                                               |                                         | 127.563                                       | 27.437                               | Quyết định số 409/QĐ-UBND, ngày 24/3/2025 của UBND tỉnh về Công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với các khu vực cơ nguy cơ cao xảy ra sạt lở tại thị trấn Cốc Pài | UBND huyện Xín Mần và Sở NNMT thực hiện |
| 2     | Dự án ổn định dân cư xã Nàn Ma, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang                                  | Xã Nàn Ma            | 96.169                                   | 4.000                                     |                                               |                                         | 55.000                                        | 37.169                               | Quyết định số 409/QĐ-UBND, ngày 24/3/2025 của UBND tỉnh về Công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với các khu vực cơ nguy cơ cao xảy ra sạt lở tại thị trấn Cốc Pài |                                         |
| 3     | Cấp điện cho thôn Thào Chư Ván, xã Pà Vây Sủ, huyện Xín Mần                                   | Xã Pà Vây Sủ         | 310                                      |                                           |                                               |                                         | 60                                            | 250                                  | Quyết định số 6657/QĐ-UBND, ngày 10/11/2021 UBND huyện Xín Mần về Về việc cấp kinh phí từ nguồn ngân sách huyện năm 2021                                                  | UBND huyện làm chủ đầu tư               |
| 4     | Công trình nâng cấp ĐZ 0.4kV đường điện từ UBND xã đi thôn Táo Hạ, xã Bản Ngò, huyện Xín Mần. | Xã Bản Ngò           | 290                                      | 40                                        |                                               |                                         | 130                                           | 120                                  | Quyết định số 1828/QĐ-UBND, ngày 08/5/2020 UBND huyện Xín Mần về việc phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư phát triển chương trình mục tiêu QG xây dựng nông thôn mới        | UBND huyện làm chủ đầu tư               |
| 5     | Kéo ĐZ 0,4kV cấp điện thôn Đán Khao, xã Bản Ngò                                               | Xã Bản Ngò           | 220                                      | 30                                        |                                               |                                         | 70                                            | 120                                  | Quyết định số 2537/QĐ-UBND, ngày 31/7/2020 của UBND huyện Xín Mần về việc phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư phát triển                                                    | UBND huyện làm chủ                      |

| Số TT | Tên dự án, công trình                                                                 | Địa điểm thu hồi đất | Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> ) | Chia ra các loại đất                      |                                               |                                         |                                               |                                      | Văn bản pháp lý có liên quan (số QĐ phê duyệt, giấy chứng nhận đầu tư...)                                                                                          | Ghi chú                   |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
|       |                                                                                       |                      |                                          | Diện tích đất trồng lúa (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất rừng đặc dụng (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất rừng PH (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất rừng sản xuất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất khác (m <sup>2</sup> ) |                                                                                                                                                                    |                           |
| 6     | Kéo ĐZ 0,4kV cấp điện thôn Thắng Lợi đi thôn Đoàn Kết, xã Bản Ngò                     | Xã Bản Ngò           | 210                                      | 40                                        |                                               |                                         | 60                                            | 110                                  | chương trình mục tiêu QG xây dựng nông thôn mới                                                                                                                    | đầu tư                    |
| 7     | Kéo ĐZ 0,4kV đường điện từ thôn Xín Chải đến nhóm hộ Si Khà Lá - Lùng Lài, xã Bản Ngò | Xã Bản Ngò           | 230                                      | 20                                        |                                               |                                         | 80                                            | 130                                  | Quyết định số 1828/QĐ-UBND, ngày 08/5/2020 UBND huyện Xín Mần về việc phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư phát triển chương trình mục tiêu QG xây dựng nông thôn mới | UBND huyện làm chủ đầu tư |
| 8     | Cấp điện thôn Xà Chải, xã Nàn Xín                                                     | Xã Nàn Xín           | 210                                      | 50                                        |                                               |                                         | 60                                            | 100                                  | Quyết định số 6663/QĐ-UBND, ngày 11/5/2024 UBND huyện Xín Mần về việc phân bổ nguồn vốn đầu tư thực hiện chương trình MTQG PTKTXH                                  | UBND huyện làm chủ đầu tư |